

GI. P. XÁC TỜƠ VỚI HIỆN TƯỢNG HỌC HUXÉC TRONG VẤN ĐỀ QUAN HỆ GIỮA TỒN TẠI VÀ Ý THỨC

NGUYỄN ANH TUẤN (*)

Tóm tắt: Chịu ảnh hưởng của hiện tượng học Huxéc, Gi. P. Xác TờƠ đã xây dựng triết học hiện sinh của ông trên cơ sở áp dụng hiện tượng học Huxéc và việc nghiên cứu tồn tại người. Coi quan niệm của Huxéc về tự ý thức là một sai lầm, Gi. P. Xác TờƠ đã cố gắng chứng minh "cái Tôi" không phải là trung tâm mang tính hợp nhất và cá biệt hoá của ý thức. Lý giải tính ý hướng của ý thức mà Huxéc đưa ra, ông đã coi tính ý hướng là cấu trúc cơ bản của mọi ý thức mà từ đó, tất yếu nảy sinh sự khác biệt căn bản giữa ý thức và cái được ý thức, rằng tính ý hướng này luôn đòi hỏi phải thừa nhận cả bản thân sự vật lẫn những thuộc tính của nó là những cái tồn tại bên ngoài ý thức. Và, do vậy, không nên quy thế giới đang được con người nhận thức về tồn tại của ý thức trong thế giới. Với ông, nguyên tắc tính ý hướng là hình thức triết học duy nhất có thể cho phép ý thức được tính thực tại của thế giới bên ngoài và tính không thể quy được thế giới ấy về ý thức; rằng, thế giới các sự vật chỉ tồn tại trong quan hệ với ý thức. Gi. P. Xác TờƠ coi đây không chỉ là nguyên tắc phương pháp luận trong việc nghiên cứu mối quan hệ giữa tồn tại và ý thức, mà nó còn là biểu hiện chân lý của mối quan hệ ấy.

Như chúng ta đã biết, hiện tượng học Huxéc có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình Gi. P. Xác TờƠ xây dựng học thuyết triết học của riêng mình. Chính vì vậy, vấn đề tìm hiểu sự ảnh hưởng này luôn có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc nghiên cứu sự nghiệp sáng tạo triết học của Xác TờƠ. Trong bài viết này, chúng tôi cố gắng làm rõ quá trình Xác TờƠ tiếp nhận hiện tượng học Huxéc nhằm giải quyết chính các vấn đề triết học đang "khúc mắc" đối với chính ông.

Vào năm 1929, Xác TờƠ nhận được bằng thạc sĩ triết học (agrégé de la philosophie) và quyền giảng dạy triết học tại các trường trung học và chức vụ trợ giảng tại các trường đại học tổng hợp. Song, Xác TờƠ chỉ có thể bắt tay vào hoạt động giảng dạy vào đầu năm 1931, sau khi ông đã trải qua thời hạn thực hiện nghĩa vụ quân sự. Cho tới năm 1933, Xác TờƠ đã giảng dạy triết học tại các trường trung học ở Havơ.

Khi đó, ông chưa có lập trường triết học của riêng mình. Ông thất vọng về tất cả mọi học thuyết triết học mà ông được biết. Đồng thời, ông cũng cảm nhận thấy rất rõ nhu cầu xây dựng một hệ thống các quan điểm triết học có khả năng khảo cứu được một thực tại đầy mâu thuẫn và xung đột như thế giới người. Thực ra, Xác TờƠ đã có một tư tưởng nảy sinh từ thời thanh niên - tư tưởng về "tính ngẫu nhiên của tồn tại". Ông đã thử diễn tả nó trong thi ca *Truyền thuyết về chân lý* được đăng tải trên tạp chí "Bifur" (Đôi ngã). Nhưng, thi ca mang tính triết học này chưa làm cho Xác TờƠ cảm thấy hài lòng.

Việc Xác TờƠ bắt đầu xây dựng học thuyết triết học của riêng mình gắn liền với việc nghiên cứu hiện tượng học Huxéc. Theo chứng nhận của Bôvoa (S. de Beauvoir) - người chung sống với Xác TờƠ trong 51 năm nhưng không bao giờ kết

(*) Tiến sĩ, Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

hôn, Xáctơơ lần đầu tiên nghe nói tới học thuyết này từ Raimon Aron - người vừa mới trở về sau đợt di nghiên cứu phương pháp luận sử học tại Béclin. Trong lúc đàm thoại về triết học Đức diễn ra tại một quán cà phê, chỉ vào một cốc nước giải khát, Aron nói với Xáctơơ: "Bạn thấy không, nếu là một nhà hiện tượng học, bạn có thể nói được về cốc nước giải khát, và đó sẽ là triết học!". Bôvoa nhớ lại: "Mặt Xáctơơ khi đó đã tái ngắt hay dường như tái ngắt do xúc động. Ông đã mong muốn điều đó trong suốt nhiều năm: nói về các sự vật như ông lĩnh hội chúng, để sao cho đây là triết học. Aron đã thuyết phục ông rằng, hiện tượng học là khoa học có thể đáp ứng được đòi hỏi vượt lên trên chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy thực, đồng thời lại khẳng định được chủ quyền của ý thức và sự hiện diện của thế giới như nó được đem lại cho chúng ta"(1).

Ngay lập tức, Xáctơơ đã mua cuốn sách của Lêvin viết về Huxéc và cố gắng để được cử đi công tác ở Béclin. Nguyên vọng của ông đã được đáp ứng. Ông được cử đi thực tập tại một trung tâm khoa học ở Béclin - nơi các nhà khoa học Pháp thường lui tới. Tại đây, ông đã nghiên cứu hiện tượng học và làm quen với chủ nghĩa hiện sinh Đức, trước hết là học thuyết Haidơơ.

Để hiểu được tại sao hiện tượng học Huxéc lại tác động mạnh như vậy đến Xáctơơ, cần nhớ rằng, cuộc khủng hoảng của triết học Pháp lúc bấy giờ đã được thể hiện không những ở sự thiếu hẳn các hệ thống độc đáo, mà còn cả trong lĩnh vực phương pháp luận. Các phương pháp nghiên cứu triết học truyền thống, kể cả chủ nghĩa kinh nghiệm duy cảm lẫn phương pháp diễn dịch của chủ nghĩa duy lý, đều trở nên bất lực. Người sáng lập thỏa ước luận là Hăngri Poanhearê đã

khẳng định rằng, trong lĩnh vực khoa học tự nhiên lý tính, người ta đã xây dựng nên một số khái niệm để sau đó, khoa học khác sử dụng. Lalăng và Mâyécxông cho rằng, lý tính chỉ có thể nhận thức được những gì bất biến và đồng nhất. Đối với Bécxông, lý tính chỉ là công cụ hoạt động thực tiễn, không có khả năng đạt tới bản chất của tồn tại; còn trực giác mà ông đưa ra với tư cách công cụ thích hợp để nhận thức bản chất ấy thì lại thể hiện một cách quá thần bí, không gây được sự tin tưởng. Mặc dù tràn đầy khát vọng nhận thức "cái cụ thể trong toàn bộ mâu thuẫn thực tại của nó", nhưng thế hệ các nhà triết học mới ở Pháp đã tự nhận thấy không có phương pháp để giải quyết nhiệm vụ ấy.

Trái ngược với quan điểm tương đối chủ nghĩa về triết học mà khi đó đã trở thành phổ biến, Huxéc đã đưa ra luận điểm khẳng định triết học phải trở thành "khoa học chặt chẽ"(2). Phòng ngừa trước một thực tế là đa số các nhà tri thức luận đánh giá các phương pháp nghiên cứu của khoa học tự nhiên như là các phương pháp mang tính chủ quan và tương đối, Huxéc đã đi tìm một phương pháp mới, đặc trưng cho triết học và có thể đem lại chân lý tuyệt đối dưới dạng nhận thức về bản chất. Ông tin là đã tìm ra được phương pháp như vậy trong hiện tượng học. Kỳ vọng này của Huxéc nhằm nắm bắt phương pháp khoa học và khách quan trong nghiên cứu triết học, phương pháp có thể loại trừ mọi thứ chủ nghĩa tương đối và đảm bảo nhận thức chân thực về thực tại đã gây được sự quan tâm rộng rãi đến hiện tượng học.

(1) S.de Beauvoir. *La Force de l'Age*. Paris, 1964, p.141.

(2) Xem: Đỗ Minh Hợp. *Vấn đề bản thể luận trong một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại*. Luận án tiến sĩ triết học.

Tại Pháp, việc tiếp xúc với các tư tưởng của Huxéc đã bắt đầu diễn ra từ những năm 20 của thế kỷ XX. Người khởi xướng công việc này là nhà thần học Tin lành, giáo sư đại học Strasburg - J.Eren, người đã bảo vệ luận án *Hiện tượng học và triết học tôn giáo* vào năm 1925. Năm 1928, *Những suy ngẫm về Đêcátơ* của Huxéc và *Bản chất và hình thức của thiện cảm* của M.Silô đã được dịch và xuất bản bằng tiếng Pháp. Các tác phẩm của E.Lêvin cũng đề cập tới hiện tượng học Huxéc. Và, vào những năm 30, đại diện của tất cả các trào lưu triết học ở Pháp đều rất quan tâm đến hiện tượng học và sử dụng rộng rãi phương pháp này trong các hệ thống lý luận của mình. Khi đó, hiện tượng học đã đem lại một xung lượng mới cho sự phát triển tư tưởng triết học ở Pháp. Dựa vào các tư tưởng của nó, vào đầu những năm 30, các khuynh hướng mới, như "triết học tinh thần" và "chủ nghĩa nhân cách", đã xuất hiện. Trước đó, H.Mácxen - đại diện của chủ nghĩa hiện sinh Thiên Chúa giáo - đã sử dụng phương pháp hiện tượng học. Chủ nghĩa hiện sinh vô thần Pháp hình thành vào những năm 30 cũng đã dựa vào hiện tượng học.

Những tìm tòi triết học của Xáctơơ trẻ tuổi vốn đã tỏ ra khá thất vọng về nội dung và phương pháp luận của các triết thuyết hiện tồn, khi tiếp cận với hiện tượng học Huxéc, ông đã lao vào tìm kiếm một phương pháp mới để xây dựng triết học.

Giai đoạn tiếp theo trong sự nghiệp sáng tạo của Xáctơơ với tư cách nhà triết học gắn liền với thử nghiệm áp dụng hiện tượng học Huxéc vào việc nghiên cứu tồn tại người và tạo ra trên cơ sở đó một học thuyết triết học mới.

Kết quả sáng tạo đầu tiên khi Xáctơơ đến sống và làm việc ở Béclin là tác phẩm *Cái Tôi siêu nghiệm*, được viết vào năm

1934 và công bố vào năm 1936 trên Tạp chí "Recherches philosophiques" (Nghiên cứu triết học). Trong tác phẩm này, khi thể hiện là một người nhiệt tình bảo vệ Huxéc, Xáctơơ đã đánh giá phương pháp hiện tượng học như sau: "Hiện tượng học là nghiên cứu khoa học, chứ không phải phê phán ý thức, mà trực giác là phương pháp cơ bản của nó. Với Huxéc, trực giác đặt chúng ta vào sự hiện diện của sự vật và do vậy, cần phải hiểu rằng, hiện tượng học thực sự là khoa học và những vấn đề do nó đặt ra là những vấn đề thực tế..."(3).

Quan niệm của Huxéc về hiện tượng học không phải là bất biến, vì nó đem lại cho người đọc nhiều cách lý giải khác nhau. Xáctơơ đã đưa ra một trong những sự lý giải như vậy. Coi quan điểm của Huxéc về tự ý thức là một sai lầm, Xáctơơ đã cố gắng chứng minh "cái Tôi" không phải là trung tâm mang tính hợp nhất và cá biệt hoá của ý thức. Không phải lúc nào cũng tán thành với Huxéc về mọi vấn đề, ông coi hiện tượng học là phương pháp chỉ mới bắt đầu xây dựng và do vậy, nó cần phải được tiếp tục phát triển và những sai lầm mà Huxéc mắc phải cần phải được sửa chữa. Xáctơơ hy vọng nghiên cứu hiện tượng học một cách sáng tạo và áp dụng nó như một phương pháp vào các khoa học về "tồn tại người". Chúng ta hãy xem xét Xáctơơ đã giải quyết nhiệm vụ này như thế nào.

Trong *Tư tưởng căn bản của hiện tượng học Huxéc: tính ý hướng*, được công bố vào năm 1939, Xáctơơ cho chúng ta thấy ông coi cái gì là căn bản trong học thuyết Huxéc.

Xuất phát từ học thuyết của Brentanô - người đã xuất phát từ các quan niệm của

(3) J.P.Sartre. *La Transcendance de l'Ego*. Paris, 1936, pp.16-17.

triết học kinh viện kiểu Tô-mát Đac-anh, Huxéc hiểu tính ý hướng là định hướng của ý thức vào đối tượng. Cũng như toàn bộ hiện tượng học, nguyên tắc tính ý hướng đã được các môn đệ của Huxéc lý giải theo các cách khác nhau. Xáctơơ lý giải nguyên tắc này như sau: "Tính ý hướng - đó là cấu trúc cơ bản của mọi ý thức mà từ đó, tất yếu nảy sinh sự khác biệt căn bản giữa ý thức và cái được ý thức. Khách thể của ý thức, cho dù có là gì đi chăng nữa (trừ trường hợp ý thức phản tư), về nguyên tắc, vẫn là tồn tại ở bên ngoài ý thức: nó mang tính siêu nghiệm"(4). Nhận thấy nguyên tắc *tính ý hướng* trước hết nhằm vào việc *phủ định chủ nghĩa duy tâm*, Xáctơơ cho rằng, tính ý hướng bắt chúng ta phải từ bỏ "ảo tưởng về tính nội tại", tức niềm tin khẳng định các đối tượng, khách thể của ý thức nằm ngay trong ý thức. Trên thực tế, khách thể không mang tính nội tại đối với ý thức, mà mang tính siêu việt đối với ý thức. Với quan niệm đó, ông coi hiện tượng học là "triết học về tính siêu nghiệm" và do vậy, nó đối lập với chủ nghĩa duy tâm. Ông viết: "Nhằm chống lại thứ triết học tiêu hoá (tức học thuyết cho rằng nhận thức là việc ý thức đồng hoá đối tượng của mình, biến đối tượng thành một cái nội tại) của chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm và chủ nghĩa Cantơ mới, chống lại mọi thứ chủ nghĩa tâm lý, Huxéc đã không ngừng khẳng định việc không thể hoà tan các sự vật vào ý thức. Bạn hãy nhìn thấy cái cây này. Bạn thấy nó ở vị trí mà nó đang đứng: ở bên lề đường, giữa cát bụi, đứng một mình và bị uốn cong dưới ánh sáng mặt trời, cách bờ biển Địa Trung Hải 20 km. Nó không thể đi vào ý thức của bạn, vì nó có một bản chất khác"(5).

Xáctơơ tiếp tục phát triển tư tưởng này khi khẳng định tính ý hướng đòi hỏi

phải thừa nhận không những bản thân sự vật, mà cả những đặc điểm, thuộc tính của nó cũng tồn tại bên ngoài ý thức. Thậm chí, Xáctơơ còn coi sự vật là cảm xúc có nội dung khách quan. Trong *Cái Tôi siêu nghiệm*, ông viết: "Tất cả mọi cái đều diễn ra như là chúng ta sống trong một thế giới mà ở đó, các khách thể, ngoài những đặc điểm nóng, mùi vị, hình thức, v.v., còn có các đặc điểm của cái hấp dẫn, kiểu diễn, hữu ích, v.v. và v.v., như là những đặc điểm ấy trở thành các lực lượng tác động đến chúng ta một cách xác định"(6). Rằng, "Những phản ứng chủ quan - cảm thù, yêu thương, sợ hãi, thiện cảm... - thực chất chỉ là những phương thức mà thế giới tự bộc lộ mình. Chúng bộc lộ ra như là các sự vật đáng ghét, có thiện cảm, khủng khiếp, dễ thương. Huxéc đã trả lại cho sự vật sự khủng khiếp và sự kiều diễm. Ông đã phục hồi lại thế giới của các họa sĩ và các nhà tiên tri: thế giới khủng khiếp, thù địch, nguy hiểm cùng với những ân sủng và tình yêu"(7).

Những câu nói đó chứng tỏ Xáctơơ tin tưởng rằng, không nên quy thế giới đang được con người nhận thức về tồn tại của ý thức trong thế giới. Khi tranh luận với các nhà duy tâm, ông thường xuyên nhấn mạnh rằng, các sự vật được nhận thức luôn tồn tại bên ngoài ý thức. Ông đề nghị độc giả hãy hình dung chúng ta bị quăng vào một thế giới xa lạ, thù địch; khi đó chúng ta sẽ hiểu được nội dung sâu xa của khám phá do Huxéc thực hiện, qua câu nói nổi tiếng: "Bất kỳ ý thức nào cũng là ý

(4) J.P.Sartre. *L'Imagination*. Paris, 1936, p.144.

(5) J.P.Sartre. *La Transcendance de l'Ego*. Ibid., p. 110.

(6) J.P.Sartre. *La Transcendance de l'Ego*. Ibid., p. 42.

(7) J.P.Sartre. *La Transcendance de l'Ego*. Ibid., p.112 - 113.

thức về một sự vật nào đó", hay nói như Haidơơ: "Tồn tại là tồn tại trong thế giới".

Đối với Xác tử, nguyên tắc tính ý hướng là hình thức triết học duy nhất có thể cho phép ý thức được tính thực tại của thế giới bên ngoài và tính không quy được của thế giới ấy về ý thức. Chính hình thức này đã cho phép Xác tử hiểu được một thực tế là, những xung đột và những mâu thuẫn của tồn tại người không thể khắc phục được bằng cách khắc phục những mâu thuẫn trong lĩnh vực ý niệm. Đây là cách tiếp cận nhằm khắc phục lập trường trực quan trong nhận thức cũng như trong thái độ thực tiễn đối với cuộc sống.

Trong quá trình xem xét tồn tại người từ quan điểm hiện tượng học, vào năm 1934, Xác tử đã đưa ra khả năng kết hợp học thuyết của ông với chủ nghĩa Mác với tư cách lý luận về hoạt động thực tiễn. Xác tử hy vọng có thể chấm dứt mối liên hệ phi tự nhiên giữa chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng, thay chủ nghĩa duy vật biện chứng bằng hiện tượng học. Ông viết: "Tôi luôn cảm thấy rằng, một học thuyết rất hữu ích, như chủ nghĩa duy vật lịch sử, không nhất thiết phải lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng làm cơ sở cho mình. Bởi trên thực tế, không cần khách thể phải tồn tại trước chủ thể để các giá trị tinh thần biến mất, để đạo đức có được cơ sở của nó trong hiện thực"(8).

Theo Xác tử, quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa ý thức và thế giới được nguyên tắc tính ý hướng xác lập đủ để "cái Tôi xuất hiện dường như cùng với mối nguy hiểm khi đối diện với Thế giới, để cái Tôi tiếp nhận toàn bộ nội dung của nó từ thế giới. Do vậy, không cần thêm bất cứ điều gì để luận chứng về mặt triết học cho đạo đức và chính trị tuyệt đối tích cực"(9).

Khẳng định hiện tượng học cùng với nguyên tắc tính ý hướng của nó có nghĩa là sự từ bỏ một cách triệt để mọi thứ chủ nghĩa duy tâm, Xác tử cho rằng, hiện tượng học không cho phép có sự tồn tại của chủ nghĩa duy thực (mà ông hiểu chính là chủ nghĩa duy vật). Ông viết: "Huxec hoàn toàn không phải là một người theo chủ nghĩa duy thực: cái cây đứng trên khoảng đất này không phải là một cái tuyệt đối tham gia vào sự giao tiếp với chúng ta sau khi đã tồn tại. Thế giới và ý thức được đem lại đồng thời: thế giới ở bên ngoài ý thức, xét về thực chất của nó, là phù hợp với ý thức"(10).

Ở đây, cần lưu ý rằng, lập trường của bản thân Huxec là thận trọng hơn trong vấn đề này. Xét về mặt hình thức, ông không bác bỏ việc thế giới các sự vật tồn tại (hay có thể tồn tại) một cách độc lập với ý thức. Ông chỉ đề nghị không nên biến sự tồn tại thực sự khách quan như vậy trở thành đối tượng nghiên cứu của triết học. Vấn đề này, theo ông, nên bỏ "vào trong ngoặc".

Trong các tác phẩm đầu tay của mình, Xác tử đã tiến xa hơn Huxec và kiên quyết khẳng định thế giới các sự vật chỉ tồn tại trong quan hệ với ý thức. Đối với ông, đây không đơn giản là một nguyên tắc phương pháp luận trong việc nghiên cứu mối quan hệ giữa tồn tại và ý thức, mà nó còn là biểu hiện chân lý về mối quan hệ ấy. Do vậy, có thể nói, hiện tượng học theo cách lý giải của Xác tử mang sắc thái duy tâm hơn so với hiện tượng học Huxec.

Xác tử chủ trương bác bỏ chủ nghĩa duy tâm chủ quan nhờ dựa vào nguyên tắc tính ý hướng, khi khẳng định các sự vật

(8) J.P.Sartre. *La Transcendance de l'Ego*, Ibid., p. 86.

(9) J.P.Sartre. *La Transcendance de l'Ego*, Ibid., p. 87.

(10) J.P.Sartre. *La Transcendance de l'Ego*, Ibid., p. 110.

tồn tại bên ngoài ý thức và không thể hoà tan chúng trong ý thức. Vậy, tại sao Xáctơ lại đi tới kết luận trái ngược với chủ ý của ông? Câu trả lời dưới hình thức chung nhất cho câu hỏi này lại hàm chứa một chủ ý khác cũng rõ ràng như vậy của Xáctơ - bác bỏ chủ nghĩa duy vật. Bất kỳ sự phủ định nào đối với chủ nghĩa duy vật đều tất yếu dẫn tới chủ nghĩa duy tâm. Nhưng câu trả lời quá chung chung này không cho phép hiểu được con đường cụ thể đã đưa Xáctơ đến với chủ nghĩa duy tâm. Để hiểu được điều này, cần lưu ý rằng, bên cạnh chủ nghĩa duy tâm chủ quan, Xáctơ còn bác bỏ cả bất khả tri luận. Bắt đầu từ Hium, những người theo bất khả tri luận đã khẳng định con người chỉ biết được các cảm giác (ý niệm) của mình, các hình ảnh của ý thức; và chính vì ý thức phân tích những hình ảnh, nên nó không trực tiếp tiếp xúc với các sự vật và không thể nhận thức được chúng. Điểm yếu trong lập trường của Xáctơ thể hiện ở chỗ, khi chủ trương đoạn tuyệt với Béccoli, Hium và phái Makhơ, ông lại coi những luận cứ của họ chống lại chủ nghĩa duy cảm mang sắc thái duy vật và lý thuyết phản ánh là hoàn toàn xác đáng. Do vậy, ông đã coi giải pháp cho vấn đề nhận thức luận là ở việc từ bỏ mọi sự phân định giữa đối tượng được nhận thức và hình ảnh ý thức phản ánh chúng. Với Xáctơ, sự vật với tư cách một thực tại tồn tại ở bên ngoài con người và hình ảnh của sự vật trong ý thức, hay sự vật được ý thức, là đồng nhất. Với cách "khắc phục" như vậy đối với chủ nghĩa duy tâm chủ quan và thuyết bất khả tri thì thế giới các sự vật cũng như tri thức của con người về thế giới ấy hoàn toàn bị hiểu một cách sai lệch.

Theo chúng tôi, luận điểm coi sự vật chỉ tồn tại trong quan hệ với ý thức chỉ có thể

có một nội dung hợp lý trong trường hợp nó được hiểu là các hình ảnh của ý thức: nó thực sự không tách rời ý thức. Khi Xáctơ khẳng định "sự vật" như cái cấu thành thế giới bên ngoài, thì điều đó có nghĩa thế giới ấy bị quy thành tổng thể những hình ảnh của ý thức, - một luận điểm duy tâm. Còn khi Xáctơ quả quyết "sự vật" ấy tồn tại bên ngoài ý thức, thì điều đó có nghĩa là sự thần bí hoá ý thức - hình ảnh của ý thức bị chuyển ra khỏi ý thức. Rốt cuộc là, Xáctơ đã không những không bác bỏ được chủ nghĩa duy tâm, mà còn phát triển một biến thể mới của nó trong cách lý giải về tính ý hướng của ông.

Việc xem xét những mâu thuẫn và xung đột của tồn tại người nhờ xuất phát từ nguyên tắc tính ý hướng cũng không đem lại kết quả khả quan hơn. Sự thù địch, sự nguy hiểm, sự xa lạ của thế giới mà con người sống trong đó đã được Xáctơ lĩnh hội như là những cái do bản thân cấu trúc của quan hệ ý hướng tính quy định và đơn giản được lý giải là vì thế giới tồn tại *bên ngoài* con người. Sự thù địch của thế giới là đặc trưng vĩnh cửu, bất biến của nó. Theo đó, vấn đề các nguồn gốc xã hội sinh ra sự tha hoá của con người trong thế giới bên ngoài này và cuộc đấu tranh chống lại sự tha hoá ấy đã bị Xáctơ loại bỏ. Do vậy, nguyên tắc tính ý hướng hoàn toàn không dung hợp được với chủ nghĩa duy vật lịch sử và không thể đóng vai trò lý luận về thực tiễn cách mạng. Những vấn đề hiện thực của tồn tại người mà Xáctơ cố gắng làm sáng tỏ về phương diện lý luận nhờ dựa vào nguyên tắc tính ý hướng đã bị thần bí hoá và xuyên tạc ngay trong cách đặt vấn đề của ông. Giống như một chiếc gương cong, hiện tượng học chỉ có thể xuyên tạc tồn tại người. □